

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM
QUỐC GIA VIỆT NAM**



BÁO CÁO

Kết quả kinh doanh 2017

**Phương hướng nhiệm vụ kinh
doanh 2018**

Hà nội, tháng 1-2018

Nội dung



- 1. Kinh tế Việt nam và Thị trường bảo hiểm**
- 2. Kết quả kinh doanh Tái bảo hiểm**
- 3. Hoạt động đầu tư tài chính**
- 4. Các hoạt động khác**
- 5. Phương hướng nhiệm vụ kinh doanh 2018**

Tình hình kinh tế và thị trường bảo hiểm 2017

Tình hình kinh tế 2017



- Tăng trưởng GDP đạt 6.81% (so với 6.21% năm 2016) và là mức tăng cao nhất trong 10 năm trở lại đây
- Khu vực công nghiệp và xây dựng có sự bứt tốc nhanh trong Quý 4, tăng trưởng 9.4% so với 2016, đặc biệt là ngành sản xuất chế biến, chế tạo trong lĩnh vực điện tử, máy tính, ... tăng tới 32.7%
- Khu vực nông-lâm-thủy sản đã có sự phục hồi đáng kể với mức tăng 2.9% so với 1.36% của năm trước
- Kim ngạch xuất nhập khẩu lần đầu tiên vượt mức 400 tỷ USD, xuất siêu 3 tỷ USD. Kim ngạch xuất khẩu tăng 21.1% so với năm trước, đạt 213.77 tỷ USD, và là mức tăng cao nhất trong nhiều năm qua
- Vốn FDI đăng ký và tăng thêm đạt 29.7 tỷ USD, tăng 44.2% so với năm trước và vốn thực hiện đạt gần 17 tỷ USD – mức cao nhất từ trước đến nay
- Tiến trình tái cấu trúc nền kinh tế và khu vực Nhà nước diễn ra tích cực với nhiều thương vụ bán vốn thành công
- Tái cấu trúc thị trường tài chính ngân hàng được triển khai mạnh mẽ

Thị trường bảo hiểm Việt Nam 2017



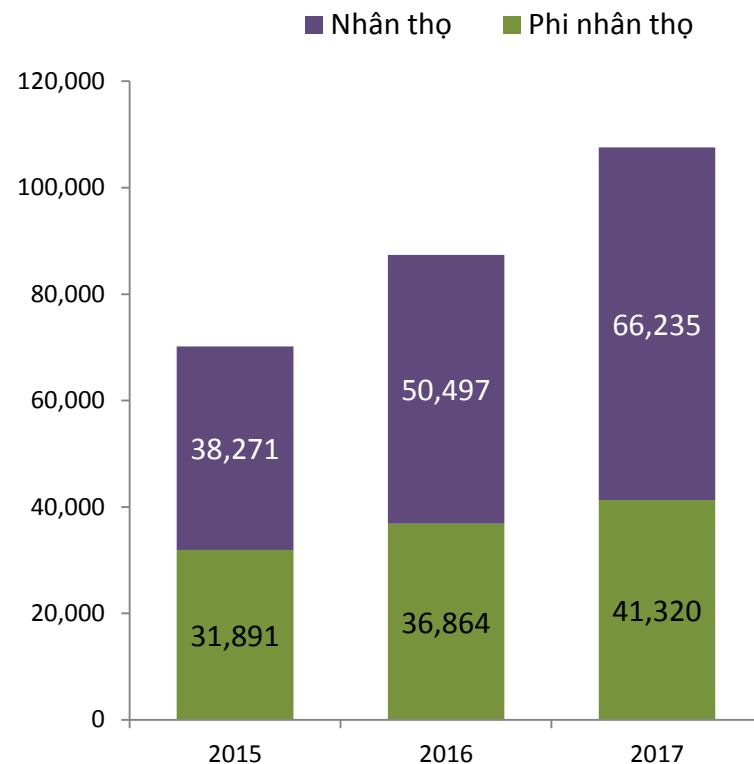
- Theo số liệu của Cục QLGSBH, thị trường bảo hiểm Việt Nam đạt tổng doanh thu 107,555 tỷ VND, tăng 25% so với 2016
- Bảo hiểm Phi nhân thọ tăng trưởng 12%, đạt 41,320 tỷ; Bảo hiểm Nhân thọ tăng trưởng 31%, đạt 66,235 tỷ
- Nhóm nghiệp vụ có nhu cầu TBH chiếm 40% thị trường PNT chỉ tăng trưởng 3-4%; nhóm nghiệp vụ không có nhu cầu TBH hoặc nhu cầu TBH thấp chiếm 60% thị trường PNT tăng trưởng 18-19%, trong đó sản phẩm bán qua kênh ngân hàng tăng trưởng mạnh
- Kênh phân phối bancassurance phát triển mạnh, ước tăng trưởng trên 30% và chiếm tỷ trọng 10 -12% tổng doanh thu phí toàn thị trường (PNT và NT) tính đến cuối năm 2017
- Trong khi đó các nghiệp vụ BH thương mại truyền thống như Tài sản, Kỹ thuật, Hàng hải, ... nhìn chung tăng trưởng chậm, cạnh tranh gay gắt bằng nhiều hình thức phi kỹ thuật và đổi mới tình hình tổn thất rất đáng quan ngại
- Về tái bảo hiểm, xu hướng của thị trường Việt Nam trong mùa tái tục 2018 đi ngược với xu hướng của thị trường thế giới do kết quả xấu liên tục trong những năm qua

Thị trường bảo hiểm – hiệu quả nghiệp vụ



- Xu hướng bồi thường vẫn rất khó kiểm soát và vẫn đang ở mức cao so với thu nhập phí. Nghiệp vụ BH Tài sản, Thân tàu, Xe cơ giới phổ biến có tỷ lệ combined ratio trên 100%. Tỷ lệ bồi thường của BH Kỹ thuật cũng đang có xu hướng gia tăng mạnh
- Tình hình thiên tai, đặc biệt là mưa bão, lũ lụt xảy ra nghiêm trọng tại Việt Nam trong năm nay (17 cơn bão, trong đó bão Doksuri (số 10) và bão Damrey (số 12) gây thiệt hại nặng nề
- Cạnh tranh bằng phương thức hạ phí, mở rộng điều kiện/điều khoản bảo hiểm, gia tăng chi phí khai thác dịch vụ, các hạn chế về đánh giá và kiểm soát rủi ro vẫn đang là vấn đề nhức nhối của thị trường, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả kinh doanh nghiệp vụ.
- Toàn thị trường có 29 công ty bảo hiểm phi nhân thọ nhưng chỉ có số ít các công ty có lãi nghiệp vụ, số lãi rất khiêm tốn so với doanh số phí bảo hiểm/thu nhập phí. Tỷ lệ combined ratio sát nút 100% hoặc cao hơn.

DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM GỐC



Kết quả kinh doanh Tái bảo hiểm 2017

Kết quả kinh doanh 2017



Đơn vị tính: Tr. VNĐ

	Một số chỉ tiêu chính	TH 2017	TH 2016	2017 vs 2016 (%)	KH 2017 (đ/ chỉnh)	% so với KH đ/ch	% so với KH ban đầu
Phí	Phí Nhận TBH	1,651,472	1,655,558	99.8%	1,635,000	101.0%	93.3%
	Phí Nhượng TBH	(1,064,579)	(1,094,034)	97.3%			
	Phí giữ lại	586,893	561,523	104.5%	532,000	110.3%	99.5%
	Giảm/(Tăng) dự phòng phí	(17,370)	7,820				
	Thu nhập phí	569,523	569,343	100.0%			
Bồi thường	Chi Bồi thường thực trả net	(247,571)	(260,771)	94.9%			
	Giảm/(Tăng) DPBT	(50,887)	(12,248)	415.5%			
	Bồi thường TN giữ lại	(298,458)	(273,019)	109.3%			
	Tỷ lệ BT/Thu nhập phí (%)	52%	48%				
Lợi nhuận gộp KDNV		121,608	146,120	83.2%			
Chi phí Quản lý + Dự phòng phải thu		(65,772)	(88,812)	73.9%			
Lợi nhuận thuần HĐ KDNV		55,836	57,308	97.4%			
Combined Ratio		90.2%	89.9%				
Thu nhập đầu tư & khác		233,043	213,465	109.2%			
Lợi tức trước thuế		285,290	270,726	105.4%	285,000	100.1%	102.6%

Doanh thu phí nhận theo nghiệp vụ

Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Nghiệp vụ	2017	KH 2017 điều chỉnh	2016	2017 vs 2016 (%)	% KH điều chỉnh	% KH ban đầu
Kỹ thuật	221,447	250,000	286,731	77.23	88.58	71.43
Tài sản	466,016	490,000	496,330	93.89	95.11	86.29
Dầu khí	4,991	5,000	13,039	38.28	99.82	49.91
Hàng không	38,316	37,300	34,429	111.29	102.72	109.47
Hàng hóa	132,072	130,000	153,256	86.18	101.59	88.04
Thân tàu	60,689	55,000	48,256	125.76	110.34	121.37
P&I	214,064	213,000	214,155	99.96	100.50	95.13
Hỗn hợp	426,162	362,000	327,655	130.06	117.72	121.76
Nhân thọ	3,434	3,500	3,071	111.82	98.11	137.36
Nông nghiệp	32,040	31,000	28,173	113.73	103.35	106.80
Tàu cá	44,334	50,000	50,462	87.86	88.67	73.89
K-care	7,907	8,200			96.43	93.02
Tổng	1,651,472	1,635,000	1,655,558	99.75	101.01	93.30

Doanh thu phí giữ lại theo nghiệp vụ



Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Nghiệp vụ	2017	KH 2017 điều chỉnh	2016	2017 vs 2016 (%)	% Kế hoạch	% KH ban đầu
Kỹ thuật	137,484	121,000	138,660	99.15	113.62	91.65
Tài sản	117,396	125,000	127,355	92.18	93.92	85.06
Dầu khí	1,669	1,500	3,693	45.19	112.27	55.63
Hàng không	1,669	1,300	1,391	119.99	128.38	111.26
Hàng hóa	103,322	99,000	117,303	88.08	104.37	93.92
Thân tàu	36,544	35,000	31,343	116.59	104.41	114.20
P&I	46,544	49,000	49,130	94.74	94.99	96.96
Hỗn hợp	104,914	58,000	55,872	187.78	180.89	174.85
Nhân thọ	3,434	3,500	3,071	111.82	98.11	137.36
Nông nghiệp	2,575	2,900	2,531	101.74	88.79	85.83
Tàu cá	26,447	30,700	31,174	84.84	86.15	71.47
K-care	4,896	5,100			96.00	97.92
Tổng	586,893	532,000	561,523	104.52	110.32	99.47

Nguyên nhân chủ yếu (Doanh thu phí – Phí giữ lại)



Doanh thu phí 2017 đạt 1,651.5 tỷ VND, bằng 99.75%% so với 2016 và vượt một chút so với KH điều chỉnh; Phí giữ lại đạt 586.9 tỷ VND, tăng 4.5% so với 2016 và vượt 10.3% so với KH điều chỉnh, do những nguyên nhân sau:

- **Nguyên nhân khách quan:** thị trường các nghiệp vụ có TBH tăng trưởng không như kỳ vọng và tiếp tục cạnh tranh gay gắt
 - Tỷ lệ phí giảm mạnh, điều kiện điều khoản mở rộng do cạnh tranh gay gắt làm giảm doanh thu gốc của các nghiệp vụ chủ chốt như Tài sản, Kỹ thuật
 - Nghiệp vụ Tài sản, mặt bằng tỷ lệ phí giảm 10 – 15%; nghiệp vụ Kỹ thuật giảm 30 - 40% so với năm trước
 - Bảo hiểm Tàu cá bị ảnh hưởng do chậm có quyết định tiếp tục triển khai của Chính phủ.
 - Các công ty BH gốc tăng mức giữ lại. Việc phân chia thị phần các dịch vụ có TBH giữa các công ty gốc bất lợi cho việc nhận dịch vụ của VINARE
 - Tỷ lệ tham gia nhận TBH các dịch vụ khu vực FDI bị ảnh hưởng bởi chính sách TBH của các công ty BH nước ngoài
 - Thị trường bảo hiểm quốc tế tiếp tục trong xu hướng “mềm” → việc nhận dịch vụ từ thị trường nước ngoài khó khăn hơn, mặt bằng phí thu giảm, EPI của nhiều hợp đồng không đạt như dự kiến (ảnh hưởng nhiều từ chính sách quản lý rủi ro của VINARE)
- **Nguyên nhân nội tại:**
 - VINARE theo đuổi chủ trương kiểm soát chặt chẽ rủi ro, tăng cường kỷ luật khai thác, không nhận dịch vụ dưới chuẩn
 - Khai thác mới dịch vụ liên kết ngân hàng – bảo hiểm

Bồi thường



Đơn vị tính: Tr. VND

Chỉ tiêu	2017	2016	+/-
Chi bồi thường nhận TBH (1)	(915,028)	(960,921)	-45,893
Thu bồi thường nhượng TBH (2)	667,456	700,150	-32,694
Bổ sung dự phòng bồi thường (3)	(50,887)	(12,248)	+38,639
Bồi thường thuộc TNGL (4 = 1-2+3)	<u>(298,458)</u>	<u>(273,019)</u>	<u>+25,439</u>

Bồi thường thuộc TNGL tăng 9.3% (25.4 tỷ) so với năm trước

- Đến hết quý III/2017, tỷ lệ bồi thường chung của các nghiệp vụ vẫn nằm trong tầm kiểm soát: 48% (Kế hoạch đề ra là 48.2% và so với tỷ lệ bồi thường 9T/2016 là 51%)
- Tuy nhiên, chỉ tính riêng ảnh hưởng của bão Damrey (tháng 11), tổng trách nhiệm nhận của VINARE đối với 3 nghiệp vụ Tài sản, Kỹ thuật, Hàng hải đã lên tới 63.2 tỷ VND; chỉ tiêu bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại bị ảnh hưởng 43.1 tỷ VND
- Do đó, tỷ lệ bồi thường của cả năm đã lên đến 52%, cao hơn 3.8% so với kế hoạch dự tính đầu năm (so với 48% của năm 2016)

Dự phòng nghiệp vụ 2017



Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Trích bổ sung DP nghiệp vụ	31/12//2017	+/- trong kỳ	31/12/2016
Nhận tái bảo hiểm	2,483,168		2,541,834
- Dự phòng phí	794,916	+5,452	789,464
- Dự phòng bồi thường (Outstanding + IBNR)	1,503,284	-66,364	1,569,648
- Dự phòng Dao động lớn	184,968	+2,246	182,722
Nhượng tái bảo hiểm	1,583,055		1,712,224
- Dự phòng phí	526,111	-11,918	538,029
- Dự phòng bồi thường (Outstanding + IBNR)	1,056,944	-117,251	1,174,195
Kết dư dự phòng (net)	900,113		829,610
- Dự phòng phí	268,805	+17,370	251,435
- Dự phòng bồi thường (Outstanding + IBNR)	446,340	+50,887	395,453
- Dự phòng dao động lớn (*)	184,968	+2,246	182,722

Tình hình công nợ kinh doanh TBH



Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2016	+/-
Công nợ phải thu	758,952	655,159	+103,793
Công nợ phải trả	688,567	598,978	+89,589
Net phải thu	<u>70,385</u>	<u>56,181</u>	<u>+14,204</u>

- Kiểm soát tốt việc giải quyết công nợ
- Công nợ dài hạn từ 2 năm trở lên đã giảm 12.7 tỷ
- Không phát sinh thêm nợ xấu
- Net phải thu tăng nhẹ so với năm trước do nguyên nhân phát sinh chậm trong tháng 12/2017 và các công ty gốc thanh toán chậm

Quản trị chi phí quản lý, bán hàng & Dự phòng phải thu



Đơn vị tính: Tr. đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Thực hiện 2016	KH 2017	So sánh	
				2017/16	2017/KH
Chi quản lý	84,035	79,881	85,000	105.2%	98.8%
Dự phòng phải thu	(18,262)	8,931	5,000		

Quản trị tốt chi phí

Hoạt động đầu tư tài chính 2017

Các yếu tố ảnh hưởng hoạt động đầu tư



- Mặt bằng lãi suất huy động tiền gửi ngân hàng trong năm tương đối ổn định. Lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức 6,5%-7,3%/năm.
- Thị trường trái phiếu chính phủ lãi suất kém hấp dẫn.
- Lãi suất trái phiếu DN kỳ hạn 5 năm phổ biến ở mức 8.2 – 8.5%/năm.
- Thị trường chứng khoán Việt nam, chỉ số VN-Index đã đạt mức 984,24 điểm vào ngày 31/12/2017, tăng 319 điểm so với thời điểm đầu năm, đạt mức tăng trưởng 44,4%. Chỉ số HN Index cũng đạt 116,86 điểm, tăng trưởng 45,9% so với đầu năm. Ảnh hưởng tốt đến danh mục đầu tư chứng khoán của VINARE.
- Thị trường Bất động sản có nhiều dấu hiệu hồi phục, tăng trưởng ổn định với xu hướng bền vững, mở ra cơ hội đầu tư vào lĩnh vực này.
- Các doanh nghiệp VINARE có vốn góp nhìn chung đạt kết quả khả quan

Tình hình phân bổ vốn đầu tư (31/12/2017)



Đơn vị: Tr. VNĐ

STT	Danh mục đầu tư	Giá trị đầu tư 1/1/2017	Phân bổ đầu tư 31/12/2017	+/- so với đầu năm	Tỷ trọng
1	Tiền gửi	2,225,822	2,180,000	-45,822	62.8%
2	Trái phiếu	170,010	270,000	+99,990	7.8%
3	Góp vốn DN khác	658,140	655,445	-2,695	18.9%
4	Đầu tư CK, CCQ, Ủy thác đầu tư	245,093	275,500	+30,407	7.8%
6	Văn phòng cho thuê	12,400	10,983	-1,417	0.3%
7	Đầu tư BĐS	13,269	13,304	+35	0.4%
8	Tiền gửi không kỳ hạn	55,662	65,003	+9,341	1.9%
	Tổng cộng	3,380,397	3,470,235	89,838	100.0%

- Không có sự thay đổi lớn so với cùng kỳ năm trước; thoái vốn thành công tại Chứng khoán Đại Nam
- Tuân thủ triệt để Quy chế Đầu tư của Tổng công ty

Kết quả hoạt động đầu tư & khác 2017



Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Thực hiện 2016	So sánh 2017/KH ban đầu	So sánh 2017/KH điều chỉnh	So sánh 2017/16
Doanh thu đầu tư & khác	303,707	239,212	125.9%	104.2%	127.0%
Chi phí đầu tư & khác	70,665	25,748	303.3%	106.4%	274.5%
Thu nhập đầu tư & khác	<u>233,042</u>	<u>213,464</u>	<u>106.9%</u>	<u>103.6%</u>	<u>109.2%</u>

Chi tiết doanh thu đầu tư & khác



Đơn vị tính: Tr. VNĐ

	Danh mục đầu tư	Thực hiện 2017	Thực hiện 2016	So sánh 2017/16
1	Tiền gửi ngân hàng	159,164	130,266	122.18%
2	Trái phiếu	14,655	15,910	92.11%
3	Cổ tức góp vốn	27,565	27,347	100.80%
4	Đầu tư CK, CCQ, UTĐT	39,394	33,588	117.28%
5	Văn phòng cho thuê	13,243	13,927	95.09%
6	Chênh lệch tỷ giá thanh toán & đánh giá lại ngoại tệ trong kỳ	48,684	17,028	285.91%
7	Thu khác (bếp ăn, ...)	1,002	1,146	87.43%
	Tổng	<u>303,707</u>	<u>239,212</u>	<u>126.96%</u>

Chi tiết chi phí đầu tư & khác



Đơn vị tính: Tr. VNĐ

	Danh mục đầu tư	Thực hiện 2017	Thực hiện 2016	So sánh 2017/16
1	Bổ sung (hoàn nhập) DP + Chi phí CK tự doanh, Ủy thác đầu tư và danh mục Đầu tư góp vốn	5,147	(5,073)	
1.1	<i>Chi phí, trích lập DP ủy thác ĐTCK</i>	5,149	6,636	
1.2	<i>Hoàn nhập DP góp vốn dài hạn</i>	(24)	(15,609)	
1.3	<i>Chi phí, hoàn nhập DP, lỗ chứng khoán tự doanh</i>	22	3,900	
2	Chênh lệch tỷ giá thanh toán trong kỳ + swaps	57,069	21,503	265.40%
3	Chi phí cho thuê văn phòng (trực tiếp, phân bổ)	1,556	1,644	94.65%
4	Chi khác (chi phí phân bổ, chi khác)	6,893	7,674	89.82%
	Tổng	<u>70,665</u>	<u>25,748</u>	<u>274.45%</u>

Các hoạt động khác

Các hoạt động khác



NÂNG CAO NĂNG LỰC NGHIỆP VỤ, QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC	Thực hiện
Báo cáo đánh giá thị trường và khách hàng (<i>báo cáo và offsite meeting</i>)	Marketing
Nghiên cứu và đóng góp ý kiến vào dự thảo Thông tư 50/2017/TT-BTC, dự thảo Nghị định về Bảo hiểm Nông nghiệp	Nghiệp vụ
Tham gia chuẩn bị triển khai BHNN tại An Giang (Bảo Minh, Swiss Re, VINARE)	Special Lines, PSBD
Sửa đổi Hướng dẫn Khai thác Tạm thời	Nghiệp vụ, QLRR
Sửa đổi và cập nhật Hướng dẫn khai thác hợp đồng cố định và giải quyết BT	Ng/vụ, QLRR, BCA
Nghiên cứu giải pháp tối ưu hóa chương trình TBH (Whole Account XL)	Nghiệp vụ
Báo cáo về dự phòng và biên khả năng thanh toán và quản trị rủi ro	QLRR, TC-KT
Ký hợp đồng thuê chuyên gia actuary và trình Cục QLGSBH phê chuẩn	QLRR

Đã hoàn thành với chất lượng tốt	Đã hoàn thành chất lượng đạt yêu cầu	Đang tiếp tục triển khai	Chậm thời hạn so với yêu cầu
----------------------------------	--------------------------------------	--------------------------	------------------------------

Các hoạt động khác



NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN LÝ RỦI RO	Thực hiện
Offsite meeting về quản lý rủi ro doanh nghiệp	QLRR
Báo cáo đánh giá rủi ro nghiệp vụ Tài sản	QLRR
Bước đầu thực hiện triển khai ERM	QLRR, các Ban
Xây dựng và đăng ký phương pháp trích lập DPNV	Nghiệp vụ, QLRR
Xây dựng và đăng ký nguyên tắc tách quỹ theo yêu cầu Thông tư 50/2017/TT-BTC	TC-KT, QLRR, Đầu tư
ĐẦU TƯ	
Sửa đổi Quy chế Đầu tư	Đầu tư
Đánh giá danh mục góp vốn cổ phần	Đầu tư

Đã hoàn thành với chất lượng tốt

Đã hoàn thành chất lượng đạt yêu cầu

Đang tiếp tục triển khai

Chậm thời hạn so với yêu cầu

Các hoạt động khác



HỘI NGHỊ, HỘI THẢO VÀ ĐÀO TẠO	Thực hiện
Hội nghị Tái bảo hiểm lần thứ 7	Các Ban
Hội thảo Quản lý rủi ro đối với nghiệp vụ Tài sản	Tài sản, Marketing, QLRR
Hội thảo Bảo hiểm lỗi tiềm ẩn của công trình xây dựng, Thông tư 329 về Bảo hiểm Xây dựng lắp đặt	Kỹ thuật, Marketing, QLRR
Tổ chức đào tạo về bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho các tổ chức tư vấn xây dựng cho MSIG và BVTM	Special Lines
Tổ chức đào tạo kỹ năng quản lý cấp trung, đàm phán và thuyết trình cho cán bộ VINARE	NS-TH
Tổ chức đào tạo về Quản trị công ty (<i>100% cán bộ tham dự được UBCKNN cấp chứng chỉ</i>)	NS-TH
Đào tạo thường xuyên về chuyên môn nghiệp vụ (<i>cứ 18 lượt cán bộ đi đào tạo, hội thảo, hội nghị trong nước và nước ngoài</i>)	NS-TH

Đã hoàn thành với chất lượng tốt	Đã hoàn thành chất lượng đạt yêu cầu	Đang tiếp tục triển khai	Chậm thời hạn so với yêu cầu
----------------------------------	--------------------------------------	--------------------------	------------------------------

Các hoạt động khác



CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	Thực hiện
Rà soát, đánh giá Quản trị công ty theo yêu cầu của Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Thông tư 50/2017/TT-BTC; thuê tư vấn về tái cấu trúc quản trị công ty	NS-TH
Ban hành Quy chế Thi đua – Khen thưởng	Bộ phận thi đua khen thưởng
Sửa đổi Quy chế Khen thưởng – Phúc lợi	KT-TC
Offsite Meeting về xây dựng Hệ thống Tổ chức quản lý	NS-TH
Cụ thể hóa các tiêu chí đánh giá hiệu quả làm việc	NS-TH
Hoàn thiện phần mềm Quản lý Nhân sự	IT
Xây dựng phần mềm Kế toán tổng hợp	IT, TC-KT
Xây dựng phần mềm Quản lý khách hàng	IT

Đã hoàn thành với chất lượng tốt

Đã hoàn thành chất lượng đạt yêu cầu

Đang tiếp tục triển khai

Chậm thời hạn so với yêu cầu

Các thành tích trong năm 2017



CÁC DANH HIỆU ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC	ĐƠN VỊ TỔ CHỨC
Thương hiệu Tái bảo hiểm tốt nhất Việt Nam năm 2017 (“Best Reinsurance Brand in Vietnam for the year 2017”)	Tạp chí “Global Brands” có trụ sở tại Anh Quốc
Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất 2017	Chương trình xếp hạng Profit 500 của tổ chức Vietnam Report (<i>định kỳ công bố thường niên từ năm 2007</i>)
Xếp thứ 5/14 Top Doanh nghiệp ngành Bảo hiểm có lợi nhuận tốt nhất	
Doanh nghiệp đạt chỉ số Tài chính tốt nhất năm 2017	Chương trình Đánh giá năng lực doanh nghiệp do Viện nghiên cứu & phát triển Doanh nghiệp, Hội Kế toán & Kiểm toán Việt Nam, Báo Diễn đàn Doanh nghiệp phối hợp thực hiện
Doanh nghiệp đạt chỉ số tài chính dẫn đầu ngành Bảo hiểm	
Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2017	Thời báo Kinh tế Việt Nam tổ chức thường niên từ năm 2003

Kế hoạch kinh doanh 2018

Dự báo tình hình kinh tế 2018



- Năm 2018 định hướng của Chính phủ là tiếp tục cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh; Khuyến khích khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp
- Mục tiêu tăng trưởng GDP của Chính phủ: 6.7% (2017: 6.81%); lạm phát 4%; kiểm soát bội chi ngân sách nhà nước ở mức 3.7%
- Chính phủ chủ trương điều hành đồng bộ các chính sách vĩ mô nhằm giảm lãi suất cho vay, nâng cao chất lượng tín dụng, ổn định thị trường ngoại tệ, tăng dự trữ ngoại hối
- Hoạt động M&A dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh; tiến trình cổ phần hóa và thoái vốn ở các doanh nghiệp nhà nước tiếp tục được đẩy mạnh
- Chính phủ thành lập Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước

Dự báo thị trường bảo hiểm Việt Nam 2018



- Nền kinh tế tiếp tục đà tăng trưởng là yếu tố thuận lợi cho thị trường bảo hiểm
- Cục QLGSBH dự báo doanh thu phí toàn thị trường tăng trưởng 22%, thấp hơn một chút so với năm 2017. Với đà tăng trưởng mạnh của bảo hiểm nhân thọ trong những năm gần đây và ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng phí của thị trường, dự báo bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng 10-11% (năm 2017: 12%)
- Bancassurance tiếp tục được các DNBH chú trọng khai thác và dự kiến tăng trưởng mạnh
- Các DN tập trung đầu tư công nghệ thông tin để tăng cường chất lượng quản trị, điều hành và chất lượng phục vụ khách hàng
- Thông tư 50/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định 73/2016/NĐ-CP sẽ tác động đến vấn đề quản trị doanh nghiệp
- Các chương trình BH và chính sách quản lý BH tạo cơ hội cho các DNBH tăng trưởng về doanh thu và tăng cường quản trị doanh nghiệp
- BH Tàu cá theo Nghị định 67 được kéo dài đến 2020
- BH Nông nghiệp dự kiến hoàn thành Nghị định trong nửa đầu năm 2018
- Lĩnh vực BH Tài sản công: đã ban hành Nghị định
- TT329 về bảo hiểm trách nhiệm trong hoạt động xây dựng được triển khai
- Nghị định mới về bảo hiểm cháy nổ bắt buộc đã được ban hành

Chủ trương của VINARE 2018



❖ Kinh doanh TBH:

- **Chủ trương chung:** Tiếp tục tăng cường quản trị rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh TBH; Từng bước mở rộng thị trường TBH, nâng cao năng lực cung cấp giá trị gia tăng cho thị trường (quản lý rủi ro, đào tạo, sản phẩm, các giải pháp phát triển bền vững);
- **Trong nước:**
 - Tập trung nghiên cứu, triển khai các lĩnh vực, sản phẩm mới: Rủi ro thiên tai, Bancassurance, các sản phẩm BH cho khu vực công, BHNN
 - Tăng cường năng lực cung cấp sản phẩm các nghiệp vụ Trách nhiệm, Sức khỏe, sản phẩm liên kết, ...
 - Tham gia khai thác mới các dịch vụ xe cơ giới, các dịch vụ liên kết ngân hàng – bảo hiểm nếu có cơ hội đảm bảo nguyên tắc an toàn, hiệu quả
- **Nước ngoài:**
 - Tập trung đánh giá thị trường BH/TBH các nước trong khu vực
 - Tăng cường trao đổi dịch vụ trong khu vực trên cơ sở đánh giá rủi ro cần trọng

Chủ trương của VINARE 2018



❖ Đầu tư:

- Tăng cường quản trị rủi ro, bảo toàn vốn
- Rà soát phân bổ lại tài sản đầu tư trên cơ sở tuân thủ các quyết định của Bộ Tài chính và Quy chế Đầu tư của VINARE
- Tăng cường quản trị tại các doanh nghiệp có vốn góp của VINARE
- Thực hiện thoái vốn theo yêu cầu của pháp luật, đảm bảo tối đa hóa hiệu quả của vốn đầu tư

Nhiệm vụ trọng tâm 2018



1. Hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh 2018
2. Thúc đẩy các chính sách trong lĩnh vực BH công
3. Tập trung nguồn lực cho các lĩnh vực: BH Tài sản công, Bancassurance, Rủi ro thiên tai, Nông nghiệp, Tàu cá ...
4. Tăng cường chuỗi cung cấp giá trị gia tăng cho khách hàng, từng bước phát triển, mở rộng thị trường
5. Đánh giá và phân bổ nguồn lực; kiện toàn tổ chức bộ máy
6. Tăng cường quản lý rủi ro (nội bộ & cung cấp giá trị gia tăng)
7. Duy trì/nâng hạng xếp hạng tín nhiệm
8. Tập trung quản trị chi phí theo hướng hiệu quả
9. Nâng cao năng lực đầu tư

Kế hoạch kinh doanh 2018



Đơn vị tính: Tr. VNĐ

	2018	2017	Tăng trưởng
Doanh thu phí nhận	1,770,000	1,651,472	7.2%
Phí giữ lại	677,000	586,893	15.4%
Lợi nhuận trước thuế	308,000	285,290	7.9%
Lợi nhuận trước thuế không bao gồm chênh lệch tỷ giá	308,000	286,849	7.3%
Chênh lệch tỷ giá (không được phân phối)	<i>(chưa xác định)</i>	(1,559)	
Cổ tức dự kiến	12%	12%	

Kế hoạch thu nhập đầu tư 2018



Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Danh mục đầu tư	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2017	2018/2017 (%)
Doanh thu đầu tư & khác	<u>310,500</u>	<u>303,707</u>	<u>102.2%</u>
Chi phí đầu tư & khác	<u>56,500</u>	<u>70,665</u>	<u>79.2%</u>
Thu nhập đầu tư & khác	<u>254,000</u>	<u>233,043</u>	<u>108.9%</u>

Kế hoạch chi quản lý 2018



Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Chỉ tiêu	KH 2018	TH 2017	Chênh lệch
Chi quản lý	87,000	84,035	+2,965
Dự phòng phải thu	3,000	(18,262)	

Nhiệm vụ/Giải pháp cơ bản trong từng lĩnh vực

Marketing

- Phân nhóm khách hàng và đề xuất thực hiện các chính sách riêng biệt với từng nhóm khách hàng. Hoàn thiện báo cáo đánh giá khách hàng và thị trường trong nước
- Xây dựng báo cáo đánh giá thị trường và khách hàng trong khu vực
- Thúc đẩy thương hiệu và hình ảnh VINARE trên thị trường trong nước và quốc tế
- Tiếp tục nghiên cứu phát triển các sản phẩm và giải pháp chuyển giao rủi ro mới (BH Nat Cat, Nông nghiệp, Trách nhiệm, Xe cơ giới ...) và kênh phân phối mới
- Khai thác dịch vụ quốc tế: xác định các thị trường tiềm năng và chiến lược tiếp cận
- Tăng cường hợp tác với các công ty tái bảo hiểm quốc gia trong khu vực trong việc phát triển sản phẩm tại thị trường Việt nam và trao đổi dịch vụ với các thị trường trong khu vực

Nhiệm vụ/Giải pháp cơ bản trong từng lĩnh vực

Đầu tư

- Tăng cường chất lượng và hiệu quả phân bổ tài sản đầu tư
- Tìm kiếm cơ hội đầu tư trái phiếu doanh nghiệp
- Tăng cường kiểm soát hoạt động của các DN có vốn góp. Đề xuất giải pháp nhằm tuân thủ các yêu cầu pháp luật và hiệu quả vốn đầu tư

Tài chính - Kế toán

- Tập trung kiểm soát, quản trị doanh thu - chi phí, các quy trình quản lý chi phí, kiểm soát
- Tập trung hoàn thành dự án IT
- Nghiên cứu và đề xuất các báo cáo quản trị công ty theo yêu cầu của BTC

Risk Management

- Tăng cường hoạt động giám định rủi ro của VINARE và thị trường
- Nâng cao năng lực quản lý tài sản – nợ phải trả (Asset Liability Management)
- Thực hiện chế độ quản trị rủi ro thường xuyên và định kỳ

Quản trị công ty & Tổ chức bộ máy

- Đánh giá và nghiên cứu lộ trình chuyển đổi mô hình quản trị công ty
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (tự đào tạo, thuê đào tạo, đánh giá cán bộ ...)

Công nghệ thông tin

- Vận hành hệ thống IT an toàn, hiệu quả
- Bảo đảm an ninh/an toàn hệ thống
- Hoàn thành xây dựng hệ thống kế toán tổng hợp

Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt nam



XIN CẢM ƠN